

CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 2021-2025

TS. Nguyễn Tiếp Tân
Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

TS. Nguyễn Hồng Trường
Trung tâm tư vấn PIM

Tóm tắt: Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) đã góp phần quan trọng thay đổi diện mạo khu vực nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, kết quả xây dựng NTM có sự chênh lệch nhiều giữa các vùng, miền trong cả nước. Trong đó, thấp nhất là vùng Miền núi phía Bắc (đạt 34,3%), các tiêu chí khó thực hiện nhất là tiêu chí về Tổ chức sản xuất/Thu nhập và Môi trường- an toàn thực phẩm. Với tiếp cận “nguyên lý thùng gỗ”, thanh gỗ ngắn nhất là yếu điểm và cần tập trung vào cải thiện thanh gỗ ngắn nhất, bài báo đã đưa ra các giải pháp tập trung vào nâng cao kết quả thực hiện tiêu chí Tổ chức sản xuất/Thu nhập và Môi trường-an toàn thực phẩm, là những tiêu chí có tính quyết định cho thành công trong thực hiện NTM ở khu vực này trong giai đoạn tiếp theo (2021-2025)

Từ khóa: Xây dựng nông thôn mới, tiêu chí xã nông thôn mới, vùng Miền núi phía Bắc

SOLUTIONS TO IMPROVE NEW RURAL CONSTRUCTION RESULTS IN THE NORTH MOUNTAIN OF VIETNAM IN THE PERIOD OF 2021-2025

PhD. Nguyen Tiep Tan
Viet nam Academy for Water Resources

PhD. Nguyen Hong Truong
Center for Participatory Irrigation Management

Abstracts: The new rural program has made an important contribution to changing the face of rural areas, the system of socio-economic infrastructure has been increasingly improved. However, the results of new rural construction have a large gap between regions and regions. The northern mountainous region is the region with the lowest implementation results in the country (34,3%), the most difficult criteria to implement are the criteria on production organization/income and environment, food safety. With the “barrel principle” approach, the shortest wooden stick is the weak point and it is necessary to focus on improving this shortest wooden stick, the paper has proposed solutions focusing on improving the results of the implementation of the criteria of Income and Environment, food safety, these criteria are decisive for the success of new rural implementation in this region in the next period (2021-2025)

Key words: The new rural program, new rural commune criteria, Northern mountainous region

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/T.U của Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM” đã trở thành một phong trào có sức lan tỏa mạnh mẽ, sâu rộng trên phạm vi cả nước. Tìm kiếm cụm từ “xây dựng nông thôn mới” trên Google thì trong vòng chưa đến 1 giây có tới trên 23 triệu kết quả liên quan xuất hiện.

Chương trình NTM đã góp phần quan trọng thay đổi diện mạo khu vực nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng được hoàn thiện. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn năm 2018 tăng 2,78 lần so với năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo nông thôn giảm nhanh từ 17,35% năm 2010 xuống còn khoảng 5,9% năm 2019, khoảng cách phát triển giữa nông thôn - đô thị từng bước được thu hẹp. Tuy nhiên, kết quả xây dựng NTM có khoảng cách chênh lệch nhiều giữa các vùng, miền trên cả nước. Một số vùng tỷ lệ xã đạt NTM cao như Vùng đồng bằng sông Hồng (90,7%), Đông Nam Bộ (79,2%), Tây Nguyên (43,5%), vùng tỷ lệ xã đạt NTM thấp nhất là vùng Miền núi phía Bắc (34,3%). Ở vùng này một số địa phương có tỷ lệ xã đạt chuẩn rất thấp dưới 25% như Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, [1]. Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã NTM vùng MNPB giai đoạn 2016-2020 cho thấy số tiêu chí đạt chuẩn trung bình của các xã hiện nay là 13

tiêu chí/19 tiêu chí cần phải đạt. Trong đó Tiêu chí 10-Thu nhập và Tiêu chí 17- Môi trường và an toàn thực phẩm đang là những tiêu chí khó thực hiện nhất.

Bằng phương pháp thu thập tài liệu, xử lý số liệu và phân tích biện luận; từ nghiên cứu thực trạng kết quả thực hiện xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020, bài báo chỉ ra những tồn tại, bất cập trong thực hiện xây dựng NTM của vùng MNPB. Với tiếp cận “nguyên lý thùng gỗ”, thanh gỗ ngắn nhất là yếu điểm và cần tập trung vào cải thiện thanh gỗ ngắn nhất này, bài báo sẽ đưa ra các giải pháp để nâng cao kết quả thực hiện tiêu chí Thu nhập và tiêu chí Môi trường - an toàn thực phẩm, là những tiêu chí căn bản nhất và có tính quyết định cho thành công trong thực hiện NTM ở khu vực này trong giai đoạn 2021-2025.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1 Mục tiêu, nguyên tắc trong xây dựng nông thôn mới

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành trung ương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM với năm nội dung cơ bản: *Thứ nhất* là nông thôn có làng xã văn minh, sạch đẹp, hạ tầng hiện đại. *Hai* là sản xuất bền vững, theo hướng hàng hóa. *Ba* là đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. *Bốn* là bản sắc văn hóa dân tộc được giữ gìn và phát triển. *Năm* là xã hội nông thôn được quản lý tốt và dân chủ. Những nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong quá trình thực hiện cần phải giải quyết đồng bộ và toàn diện nhằm khơi dậy và phát huy tốt vai trò người nông dân trong công cuộc xây dựng NTM ở nước ta ngày càng văn minh, hiện đại.

Xây dựng NTM theo phương châm phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư, dựa vào nội lực của cộng đồng địa phương là chính, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần làm động lực phát huy sự đóng góp của người dân và của cộng đồng. Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, đặt ra các chính sách, cơ chế hỗ trợ, hướng dẫn. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

2.2 Hệ thống văn bản chính sách về xây dựng nông thôn mới

Trong cả giai đoạn 2010-2020, Hệ thống chính sách, cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình nông thôn mới đã được ban hành đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đã có 4 Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 13 Nghị quyết của Chính phủ, 54 Quyết định và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, 106 Quyết định, Thông tư và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình được ban hành, [2]. Khi triển khai Chương trình, các địa phương sẽ ban hành tiếp số lượng lớn các văn bản để hướng dẫn cụ thể. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai thực hiện và tạo nền tảng vững chắc và là đòn bẩy để tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình.

2.3 Bài học về phát triển nông thôn của các quốc gia tiên tiến

Kinh nghiệm các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan,... khi xây dựng, triển khai chiến lược phát triển kinh tế đất nước nói chung, đã rất chú ý đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn theo hướng nội sinh, chú trọng các nguồn lực sẵn có làm động lực phát triển (đất đai, tài nguyên, điều kiện địa lý, lòng tự hào, khả năng sáng tạo,...).

- Tại Nhật Bản, phong trào “Mỗi làng, một sản phẩm” ở những năm 1970. Sau khi đánh giá 20 năm thực hiện phong trào OVOP (1979 - 1999), cơ sở lý luận về phát triển nông thôn nội sinh càng được khẳng định, minh chứng rõ nét.

- Tại Hàn Quốc, phong trào làng mới hay cộng đồng mới, Saemaul Undong (SU) vào những năm 1970. Cộng đồng mới khác với cộng đồng cũ vốn dĩ thụ động, trì trệ, đói kém và bệnh tật. Cộng đồng mới nhấn mạnh đến sự chăm chỉ, tự lực, hợp tác, phát triển, vệ sinh và thịnh vượng. Tinh thần Saemaul dựa trên các giá trị cốt lõi: cần cù-tự lực-hợp tác là nền tảng của phong trào Saemaul. Phong trào này được đánh giá là phương pháp luận đúng đắn và hiệu quả để xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn của nhiều quốc gia đang phát triển ở Đông Nam Á.

- Tại Thái Lan, Chương trình Mỗi cộng đồng một sản phẩm OTOP được khởi xướng năm 2001 nhằm khuyến khích phát triển kinh tế trong nước thông qua nhân tố phát triển con người, phát triển cộng đồng là chính trên nền tảng phát triển nền kinh tế cơ sở (xây dựng, phát triển và tái cấu trúc các hộ, nhóm, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, hợp tác xã). Xây dựng xã, cộng đồng vững mạnh; phát triển tự lực của nhân dân; xây dựng gia đình hạnh phúc và có chất lượng; Tạo

công ăn việc làm cho cộng đồng dân cư; phát triển trí tuệ, truyền thống địa phương; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và thúc đẩy sự sáng tạo của cộng đồng.

Kết quả các mô hình phát triển nông thôn ở các nước này đã thành công và có nét tương đồng với Chương trình xây dựng NTM ở Việt Nam. Đây là cơ sở để xem xét, phân tích, áp dụng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở mỗi địa phương của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển kinh tế, chính trị, xã hội.

3. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020 Ở CÁC TỈNH MNPB

3.1 Kết quả xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

Đến tháng 10/2019, cả nước có 4.665 xã (52,4%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó, đạt cao nhất là ở vùng Đồng bằng sông Hồng và đạt thấp nhất là ở MNPB, [1]. Hầu hết các tỉnh vùng MNPB tỷ lệ các xã đạt chuẩn thấp hơn nhiều so với bình quân cả nước, đều dưới 50%, ngoại trừ 3 tỉnh đạt kết quả khá tốt là Yên Bái (đạt 51%), Bắc Giang (đạt 69%) và cao nhất là Thái Nguyên (79%). Khó khăn nhất là tỉnh Bắc Kạn và Cao Bằng khi số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã lần lượt là 9,57 và 9,61, chỉ mới đạt ½ số tiêu chí xã đạt chuẩn NTM (19 tiêu chí). Một số số liệu thu thập, [3], về kết quả thực hiện NTM ở 8 tỉnh MNPB như ở Bảng 1:

Bảng 1. Kết quả thực hiện các tiêu chí NTM giai đoạn 2016-2020 ở một số tỉnh MNPB

TT	Nội dung \ Tên tỉnh	Thái Nguyên	Cao Bằng	Bắc Kạn	Lạng Sơn	Phú Thọ	Tuyên Quang	Lai Châu	Điện Biên
1	Tổng số xã	137	177	108	181	247	124	96	115
2	Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã	17,26	9,61	9,57	13,39	14,31	14,45	13,58	11,45
3	Số xã được công nhận đạt chuẩn NTM	108 (79%)	25 (14%)	23 (21%)	65 (36%)	81 (33%)	37 (30%)	30 (31%)	35 (30%)
4	Số xã đạt theo từng tiêu chí								
Nhóm tiêu chí về Quy hoạch và Hạ tầng kinh tế-xã hội									
	- Tiêu chí 1: Quy hoạch	137	177	96	181	247	124	96	115
	- Tiêu chí 2: Giao thông	112	44	20	76	133	55	54	52
	- Tiêu chí 3: Thủy lợi	132	121	89	168	226	124	91	70
	- Tiêu chí 4: Điện	137	109	84	142	242	115	88	83
	- Tiêu chí 5: Trường học	123	33	15	72	148	56	38	42
	- Tiêu chí 6: CSVN văn hóa	109	16	11	73	197	45	44	38
	- Tiêu chí 7: CSHT thương mại nông thôn	132	133	89	170	214	112	96	93
	- Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông	129	63	71	94	237	124	85	115
	- Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư	112	47	39	157	154	42	46	39
Nhóm tiêu chí về Kinh tế và tổ chức sản xuất									
	- Tiêu chí 10: Thu nhập	108	20	17	78	136	59	33	35
	- Tiêu chí 11: Hộ nghèo	115	20	28	108	182	72	30	35
	Tiêu chí 12: Lao động	139	164	92	181	243	124	96	81
	- Tiêu chí 13: Tổ chức sx	123	71	38	126	196	118	64	49
Nhóm tiêu chí về Văn hóa-Xã hội-Môi trường									
	- Tiêu chí 14: Giáo dục	135	110	84	181	213	124	96	56
	- Tiêu chí 15: Y tế	136	103	87	144	171	107	67	93
	- Tiêu chí 16: Văn hóa	131	113	54	117	222	123	75	56
	- Tiêu chí 17: Môi trường và ATTP	108	24	12	98	115	38	34	60
Nhóm tiêu chí về Hệ thống chính trị									
	- Tiêu chí 18: HCCT và tiếp cận pháp luật	116	165	31	93	90	116	78	90
	- Tiêu chí 19: An ninh quốc phòng	131	168	77	165	169	114	93	115

Trong 4 nhóm tiêu chí thì nhóm tiêu chí Hệ thống chính trị đạt kết quả cao nhất (88,78% số xã đạt), tiếp đó là nhóm tiêu chí Văn hóa-Xã hội-Môi trường (69,05% số xã đạt), đứng thứ ba là nhóm tiêu chí Hạ tầng – kinh tế xã hội (68,60% số xã đạt) và cuối cùng là nhóm tiêu chí Kinh tế - tổ chức sản xuất (61,12% số xã đạt).

3.2 Những tồn tại, bất cập trong thực hiện Chương trình NTM ở vùng MNPB

3.2.1 Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới vùng MNPB đang thấp nhất trong cả nước

Kết thúc giai đoạn 2016-2020, số xã được công nhận đạt chuẩn NTM của vùng MNPB là 34,3%. Kết quả phân bố không đều ở các tỉnh và ngay cả ở các huyện trong cùng một tỉnh. Đạt kết quả cao nhất là tỉnh Thái Nguyên (79%), thấp nhất là tỉnh Cao Bằng (14%). Số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã của toàn vùng đang là 13 tiêu chí/19 tiêu chí.

Bảng 2. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn xét theo từng tiêu chí

TT	Các tiêu chí	Tỷ lệ xã đạt
1	Tiêu chí 10: Thu nhập	39,55%
2	Tiêu chí 17: Môi trường và ATTP	40,31%
3	Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa	41,76%
4	Tiêu chí 5: Trường học	42,91%
5	Tiêu chí 2: Giao thông	45,85%
6	Tiêu chí 11: Hộ nghèo	46,78%
7	Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư	51,15%
8	Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất	64,81%
9	Tiêu chí 18: HTCT và tiếp cận pháp luật	68,43%
10	Tiêu chí 16: Văn hóa	73,75%
11	Tiêu chí 15: Y tế	77,97%
12	Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông	78,99%
13	Tiêu chí 4: Điện	84,05%
14	Tiêu chí 14: Giáo dục	84,17%
15	Tiêu chí 3: Thủy lợi	85,89%
16	Tiêu chí 7: CSHT thương mại nông thôn	88,21%
17	Tiêu chí 19: An ninh quốc phòng	88,78%
18	Tiêu chí 12: Lao động	93,33%
19	Tiêu chí 1: Quy hoạch	98,61%

Tiêu chí 10-Thu nhập và Tiêu chí 17-Môi trường và an toàn thực phẩm đang là những tiêu chí khó thực hiện nhất ở vùng MNPB thể hiện ở Bảng 2. Đây cũng là những tiêu chí khó thực hiện nhất ngay cả với các tỉnh vùng đồng bằng, [4]. Ở các vùng nông thôn, nước thải sinh hoạt nhìn chung chưa được thu gom xử lý. Chất thải rắn, rác sinh hoạt được xử lý chủ yếu bằng hình thức chôn lấp. Các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh phần lớn là bãi rác tạm, lộ thiên, không có hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác, đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Quá trình kiểm soát ô nhiễm chưa thực sự đem lại hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, hiện vẫn đang là vấn đề gây bức xúc trong xã hội.

3.2.2 Bộ tiêu chí chưa có sự phân hóa vùng và chưa cân đối giữa các nhóm tiêu chí

Hiện nay, nhiều tiêu chí tập trung vào nguồn lực vật chất (9 tiêu chí), ít tiêu chí tập trung vào nguồn lực con người. Riêng về nguồn lực tự nhiên thì không có tiêu chí riêng nào. Bộ tiêu chí vô tình đã định hướng mức độ ưu tiên các nguồn lực trong cơ cấu NTM. Các địa phương đa phần đều lo tập trung vào xây dựng hạ tầng như làm đường giao thông nông thôn, thủy lợi, chợ, nhà văn hóa, v.v..., có nơi chiếm đến 95% tổng nguồn lực, [5]. Các nội dung về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức nên chưa có sự chuyển biến rõ nét.

Tác giả Bạch Quốc Khang, [6], cũng cho rằng Bộ tiêu chí còn hạn chế, chưa tạo khung đủ mức linh hoạt giữa các vùng và trong nội vùng. Mức độ phân biệt về định lượng theo vùng miền ở một số chỉ tiêu chưa sát thực chất; Một số tiêu chí có chỉ tiêu định lượng như nhau cho tất cả các vùng miền; Một số chỉ tiêu đặt ra chưa sát với khả năng và nhu cầu của một số vùng; Một số chỉ tiêu tuy có sự khác biệt giữa các vùng, nhưng mức độ khác biệt không lớn, chưa sát thực. Xem xét các bất cập khi thực hiện trong giai đoạn 2016-2020, Tạ Đình Xuyên và cộng sự, [5] cho rằng Nhà nước cần tập trung rà soát, đánh giá lại các tiêu chí một cách khách quan, công bằng và có tính thực thi cao khi áp dụng tại các địa phương, vùng miền trên cả nước.

3.2.3 Các tiêu chí đạt nhưng chưa thực sự có hiệu quả

- *Tiêu chí quy hoạch*: Lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn (gắn với xây dựng NTM) là công việc thực hiện đầu tiên. Tuy nhiên, ở hầu hết các địa phương công việc này thường được thực hiện rất chậm. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 đã khởi động trong khi việc rà soát kết quả thực hiện quy hoạch của giai đoạn 2011-2020 và lập quy hoạch cho giai đoạn tiếp theo thì các địa phương chưa thực hiện. Các đồ án quy hoạch này ở giai đoạn 2016-2020 hầu hết đều có chất lượng thấp, còn rập khuôn, chưa áp vào điều kiện thực tế của địa phương, đồ án quy hoạch sớm lạc hậu và hầu như nó được hoàn thành là để chạy theo bộ tiêu chí của Trung ương về xã NTM, [5].

- *Tiêu chí tổ chức sản xuất*: Hình thức tổ chức sản xuất là một trong những tiêu chí chi phối đến nhiều lĩnh vực khác như thu nhập, cơ cấu lao động, việc làm, v.v..., ở các địa phương nếu phát huy được vai trò của các tổ chức sản xuất thì sẽ dễ thực hiện được các tiêu chí khác. Các hình thức tổ chức sản xuất trọng tâm là các hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT). Thông qua các tổ chức kinh tế này, nông dân được tiếp cận các phương thức canh tác, tiến bộ kỹ thuật mới nâng cao hiệu quả sản xuất; liên kết chuỗi sản phẩm, bao tiêu đầu ra,... ổn định nguồn thu nhập, tạo điều kiện hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập. Tuy nhiên tiêu chí tổ chức sản xuất (tiêu chí 13) các địa phương có thể dễ dàng đạt được nếu trong xã có HTX, THT (được thành lập theo Luật HTX 2012) với một nhóm nhỏ tham gia. Nếu các mô hình tổ chức sản xuất chưa có tính lan tỏa, chưa tạo được lượng hàng hóa lớn và chưa đồng nhất theo yêu cầu thị trường mà đánh giá tiêu chí này hoàn thành thì địa phương chưa cần phải nỗ lực gì nhiều! Tổ chức sản xuất tốt, hiệu quả thì sẽ phản ánh qua thu nhập được nâng lên.

3.2.4 Chưa phát huy được nội lực của cộng đồng

Vai trò quan trọng của người dân trong xây dựng NTM với tư cách vừa là chủ thể, vừa là động lực, vừa là người hưởng thụ kết quả của Chương trình NTM; Người dân cần phải được làm chủ (được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra, được hưởng lợi). Tuy nhiên ở nhiều nơi triển khai Chương trình chạy theo thành tích, người dân chưa thực sự được tham gia là chủ thể của chương trình, cách lấy ý kiến người dân còn mang tính hình thức, đôi khi là áp đặt [7]. Sự tham gia của người dân chủ yếu nhất vẫn là hoạt động đóng góp tài chính cho hoạt động xây dựng NTM thông qua việc thu các quỹ gồm các quỹ bắt buộc theo quy định của Nhà nước và những quỹ tự nguyện, huy động lao động nghĩa vụ để thực hiện các công trình công cộng như làm thủy lợi, làm giao thông, công trình phúc lợi, bệnh viện, trường học... có thể góp bằng ngày công hoặc bằng tiền, [8].

3.2.5 Trình độ dân trí, năng lực quản lý của cán bộ cấp cộng đồng còn hạn chế

Trong một nghiên cứu của Nguyễn Mậu Thái (2015), [9], tầm quan trọng ảnh hưởng của các nhân tố tới quá trình xây dựng NTM theo trình tự là: Trình độ dân trí, thu nhập, điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội, năng lực trình độ của cán bộ địa phương, chương trình, chính sách của Chính phủ. Trong một nghiên cứu khác “*Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến XDNTM bền vững*” [10], tác giả chỉ ra một số nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng NTM tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại tỉnh Đắk Lắk là: (i) Điều kiện kinh tế; (ii) Điều kiện tự nhiên và cơ sở hạ tầng; (iii) Nhận thức của người dân; (iv) Sự tham gia của người dân; (v) Văn hóa, tôn giáo và vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng; (vi) Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị xã hội; (vii) Ảnh hưởng của các Chương trình dự án đến xây dựng NTM ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (viii) Vai trò của khoa học kỹ thuật; (ix) Lao động, việc làm ở nông thôn. Như vậy, dù ở vùng miền nào thì trình độ dân trí và năng lực của cán bộ cơ sở đều giữ vai trò quan trọng, nhân tố ảnh hưởng tột đầu đến quá trình xây dựng NTM. Với vùng MNPB, trình độ dân trí thấp, tỷ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ thấp thứ hai cả nước (thấp nhất là Đồng bằng sông Cửu Long), [11], đã là một khó khăn lớn trong việc tiếp nhận thông tin, hiểu biết của người dân về các chủ trương, chính sách của nhà nước về chương trình, phối hợp tổ chức thực hiện của người dân và chính quyền cấp cơ sở,... đã dẫn đến xây dựng NTM đạt kết quả thấp ở nơi đây.

3.2.6 Xã đạt chuẩn NTM nhưng người dân chưa hài lòng

Với chủ trương: Sự hài lòng của người dân là thước đo hiệu quả của Chương trình XDNTM, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 122/HD-MTTW-BTT ngày 16/01/2019 về việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM, với mục đích để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, đề xuất của nhân dân đồng thời phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong xây dựng NTM và đánh giá khách quan, thực chất kết quả xây dựng NTM. Tuy nhiên, việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân ở nhiều nơi chưa đảm bảo tính độc lập, còn hình thức. Cá biệt một số nơi việc đánh giá còn phụ thuộc vào chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương nhất là ở cấp xã, vì vậy chưa thật sự đảm bảo tính khách quan trong tổ chức triển khai thực hiện. Đây là ý kiến chia sẻ của ông Hầu A Lệnh - Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Hội nghị Toàn quốc tổng kết 10 năm Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 diễn ra tại TP.

Nam Định tháng 10/2019, [1]. Chính vì xã chuẩn NTM không thực chất, mang tính hình thức, mang tính thành tích này mà ở các xã đó chưa có các hoạt động mang tính kiến tạo, chưa khai thác được hết tiềm năng thế mạnh của khu vực nông thôn. Thu nhập, đời sống của các vùng nông thôn còn thấp là nguyên nhân chính người dân chưa hài lòng.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ XDNTM KHU VỰC MNPB GIAI ĐOẠN 2021-2025

3.1 Phạm vi giải pháp

Từ kết quả tổng hợp ở Bảng 2 có thể nói rằng tiêu chí 10: Thu nhập và tiêu chí 17: Môi trường- an toàn thực phẩm là những mắt xích yếu nhất trong tiến trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của khu vực MNPB. Kết quả cũng cho thấy các tiêu chí 6 (Cơ sở văn hóa), tiêu chí 5 (Trường học), tiêu chí 2 (Giao thông), tiêu chí 11 (Hộ nghèo) và tiêu chí 9 (Nhà ở dân cư) tỷ lệ đạt cũng không cao, số lượng các xã đạt các tiêu chí này chỉ chiếm 41% đến 51%. Tuy nhiên, về bản chất thì các tiêu chí này phần nào là hệ quả của tiêu chí Thu nhập/Tổ chức sản xuất. Bởi vì rằng, nếu địa phương có các mô hình kinh tế, tổ chức sản xuất tốt, hiệu quả thì thu nhập của người dân sẽ được nâng cao và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Khi đó, cùng với các Chương trình, dự án hỗ trợ của Chính phủ, sự tham gia vốn đối ứng của địa phương và sự chung sức, đóng góp của cộng đồng thì lần lượt các tiêu chí này sẽ được thực hiện.

“Một sợi dây xích chỉ khỏe bằng mắt xích yếu nhất của nó” - tục ngữ của người Mỹ, hay tương tự với nó là “nguyên lý thùng gỗ” do nhà quản lý học người Mỹ, Peter, đã đưa ra. Nguyên lý này nói rằng lượng nước trong thùng được quyết định bởi độ cao của thanh gỗ ngắn nhất. Thanh gỗ ngắn này trở thành yếu điểm của chiếc thùng. Nếu muốn lượng nước trong thùng tăng lên thì buộc phải thay thanh gỗ ngắn bằng thanh dài hơn.



Hình 1. Minh họa nguyên lý thùng gỗ

Thanh gỗ ngắn nhất này biểu trưng cho những tiêu chí yếu kém nhất. Cần tập trung vào mắt xích yếu nhất, tập trung vào cái thiện thanh gỗ ngắn nhất là việc cần làm. Với lý luận đó, người viết cho rằng để nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn NTM khu vực MNPB giai đoạn 2021-2025 thì tới đây cần tập trung các giải pháp để nâng cao Thu nhập (tiêu chí 10, thực chất hơn là tiêu chí 13-Tổ chức sản xuất, vì giá trị thu nhập chẳng qua là thể hiện kết quả của hoạt động tổ chức sản xuất) và giải quyết các vấn đề về Môi trường nông thôn- an toàn thực phẩm (tiêu chí 17), là những tiêu chí căn bản nhất và có tính quyết định cho thành công trong thực hiện NTM ở khu vực này.

3.2 Các giải pháp nâng cao kết quả xây dựng NTM khu vực MNPB giai đoạn 2021-2025

3.2.1 Tập trung vào nhân tố con người, sức mạnh nội sinh của cộng đồng

(1) Xây dựng NTM được thực hiện theo phương châm dựa vào nội lực và dựa vào cộng đồng địa phương. Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần làm động lực phát huy sự đóng góp của người dân và của cộng đồng. Tinh thần và các hành động để xây dựng nông thôn mới xoay quanh chủ thể là người dân thì câu ca dao mà Bác Hồ thường nói “Đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” luôn phải thuộc nằm lòng trong đầu những người làm chính sách, những người thực hiện chương trình, dự án nông thôn mới.

(2) Tiếp cận cách thực hiện từ dưới lên, tiếp cận có sự tham gia, lấy người dân làm trung tâm. Người dân là chủ thể, do vậy vấn đề nâng cao vai trò của người dân, thu hút sự tham gia đóng góp của người dân là vấn đề then chốt quyết định sự thành công của chương trình. Hiện nay việc xây dựng NTM vẫn chủ yếu xuất phát từ cấp chính quyền, theo hướng tiếp cận từ trên xuống, nên vẫn chưa tạo cho người dân cảm giác đây là quá trình của mình. Và do đó cần tiếp cận theo cách ngược lại, thực tế cũng đã cho thấy khi người dân trở thành chủ thể, họ nhập cuộc một cách chủ động, đem cả tinh thần lẫn tài sản ủng hộ công cuộc xây dựng NTM.

(3) Đề cao hơn nữa vai trò, giá trị con người trong công cuộc xây dựng NTM. Nhiều nghiên cứu về phong trào làng mới ở Hàn Quốc nhận định rằng, phong trào này đạt được thành công

nờ chính vào ba nhân tố con. Đó là vai trò lãnh đạo của tổng thống Park Chung Hee, tinh thần cống hiến của cán bộ quản lý tại các làng xã và tinh thần tham gia của người dân nông thôn.

- Làm thế nào có được đội ngũ cán bộ quản lý, đặc biệt là cán bộ quản lý cấp cơ sở có tràn đầy nhiệt huyết và năng lực? Theo kinh nghiệm của Hàn Quốc, hệ thống cán bộ cơ sở, viên chức ở các cấp chịu trách nhiệm hướng dẫn các hoạt động của phong trào “làng mới”, đây là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của họ. Các khóa đào tạo cho cán bộ cơ sở cấp cộng đồng để họ có vai trò quan trọng trong việc lan tỏa các giá trị liêm chính, tự lực, hợp tác cần được thực hiện thường xuyên liên tục. Đã có trường hợp người dân tham gia không phải do họ mong muốn mà do cảm động trước sự kiên nhẫn và tâm lòng của cán bộ. Và để các cán bộ cấp cơ sở có được sức ảnh hưởng đó thì họ cần được đào tạo, bồi dưỡng một cách bài bản về kỹ năng lãnh đạo, trình độ kiến thức, kỹ năng hòa giải, khả năng đánh giá chất lượng,...

- Bằng cách nào để người nông dân có được tinh thần cần mẫn, tự tạo và hợp tác cao? Đó là phải giải quyết được sinh kế cho người dân trong xây dựng NTM. Người nông dân thường chịu chi phối của các yếu tố có lợi trước mắt, vì vậy các dự án của Chương trình NTM cần giải quyết được các nhu cầu tối thiểu của cuộc sống, cần đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân thực hiện các dự án ngắn hạn, có kết quả rõ ràng như cải thiện môi trường sống, các ngành nghề tạo thu nhập và xây dựng cơ sở vật chất để người dân có được cảm giác tự hào về thành công của mình và có niềm tin, sau đó mới bước vào các dự án dài hơi hơn.

(4) Ban hành kịp thời hệ thống văn bản cơ chế chính sách: Để đẩy mạnh xây dựng NTM, ngoài các chính sách chung được ban hành từ phía trung ương thì các địa phương cần thiết phải ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách cụ thể để vận dụng trong quá trình thực hiện xây dựng NTM ở địa phương mình. Bài học thành công từ Thái Nguyên, trong 10 năm triển khai (2010-2019), tỉnh đã có tổng cộng 3.609 các Nghị quyết, chương trình, kế hoạch, văn bản được ban hành. Trong đó cấp tỉnh là 1.011 văn bản, các huyện, thị xã là 2.598 văn bản, [7]. Đặc biệt, để đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, tỉnh đã ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn như: Cơ chế hỗ trợ kinh phí và xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; Cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua triển khai các dự án, đề án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và XDNTM; Chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

(5) Công tác tuyên truyền vận động (qua tất cả các phương tiện truyền thông: truyền hình, phát thanh, báo, tạp chí, các tài liệu in ấn, tuyên truyền trực tiếp) là yếu tố quan trọng dẫn đến thay đổi nhận thức của mọi người dân, để từ đó tham gia tích cực vào xây dựng NTM. Đích đến của công tác tuyên truyền là người dân đi bất cứ nơi đâu cũng thấy chữ NTM, thậm trí những người không biết đọc cũng có thể hiểu được chương trình, một chương trình toàn dân.

(6) Và cuối cùng, sự hài lòng của người dân là thước đo hiệu quả của Chương trình xây dựng NTM. Nghiên cứu Hồ Chí Diên cho trường hợp tỉnh Thái Nguyên, [7], đã cho thấy các nhân tố ảnh hưởng tích cực tới sự hài lòng của người dân là: (i) thu nhập của người dân; (ii) người dân tham gia các tổ chức chính trị xã hội; (iii) người dân được tham gia bàn bạc; (iv) người dân được làm; (v) người dân được kiểm tra; (vi) quy trình thủ tục; (vii) công khai minh bạch. Các địa phương khác cũng có thể xem xét các yếu tố này trong thực hiện các chương trình, dự án xây dựng NTM ở địa phương mình. Và để cho thống nhất trên toàn quốc thì nên bổ sung tiêu chí đánh giá về yếu tố con người, yếu tố chủ thể của người dân, sự hài lòng của người dân trong Bộ tiêu chí ban hành sắp tới cho giai đoạn 2021-2025.

3.2.2 Tập trung nhiều hơn vào những “mắt xích” yếu nhất: Tiêu chí Thu nhập/Tổ chức sản xuất và tiêu chí Môi trường, an toàn thực phẩm

a) Giải pháp nâng cao kết quả thực hiện tiêu chí Tổ chức sản xuất/Thu nhập

- Trước hết, cần giải quyết triệt để các vấn đề thuộc về tiền đề và nền tảng: quy hoạch sản xuất gắn với XDNTM. Tổ chức sản xuất sẽ phải dựa trên quy hoạch sản xuất. Chính vì vậy đề án quy hoạch phục vụ XDNTM cần triển khai sớm ngay từ đầu mỗi giai đoạn, mỗi quy hoạch cho giai đoạn 10 năm và phân kỳ quy hoạch 5 năm cần phải dự báo được động lực phát triển kinh tế chủ đạo, sản phẩm chủ đạo, quy mô sản xuất, tiềm năng thị trường, định hướng đầu ra cho sản phẩm. Liên quan tới đó là xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, quỹ đất cho từng chỉ tiêu dùng đất của xã phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp

huyện, cấp tỉnh. Quy hoạch phải được căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, văn hóa, tập quán của từng vùng miền và phải có sự tham gia của cộng đồng người dân khi xây dựng quy hoạch, xem xét áp dụng phương pháp quy hoạch sử dụng đất với các tiêu chí bền vững có sự tham gia của cộng đồng (PLUP), [12].

- Các địa phương cần dựa vào điều kiện thực tế, lợi thế đất đai, khí hậu của địa phương để lựa chọn thực hiện một vài nội dung mang tính chiến lược đòn bẩy để thúc đẩy tiến trình này nhanh chóng hơn và hiệu quả hơn. Các mô hình NTM cần khai thác thế mạnh về nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp nghỉ dưỡng, chức năng môi trường, du lịch nông thôn, bảo tồn văn hóa và cảnh quan đặc trưng nông thôn truyền thống gắn với từng vùng, miền; mô hình NTM của các làng nghề truyền thống gắn chặt với phát triển OCOP, bền vững về văn hóa và môi trường.

- Phát triển Mỗi xã một sản phẩm trong XDNTM gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp. Cần hình thành nhiều mô hình các doanh nghiệp liên kết với nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Muốn vậy, các địa phương cần phải có cơ chế, chính sách ưu đãi hơn để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, dịch vụ và các hoạt động khác, nhất lĩnh vực chế biến, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Đẩy mạnh công tác đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế tập thể, trong đó xác định HTX là máu chốt trong quản lý sản xuất, là cầu nối và đầu mối để thúc đẩy thu hút doanh nghiệp tham gia vào liên kết sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm từ đó nâng cao giá trị gia tăng, làm tăng thu nhập cho người dân ổn định bền vững.

- Cần có hệ thống các mô hình NTM làm mẫu cho các loại hình nông thôn ở các vùng, miền và các tộc người. Đa dạng hóa sinh kế của cư dân nông thôn, một số mô hình NTM cho vùng MNPB có thể xem xét như sau:

+ *Mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch*: Tổ chức sản xuất nông nghiệp dựa trên nắm bắt đặc điểm sinh thái của các loại cây trồng vật nuôi, không sử dụng các yếu tố gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái. Sản xuất bảo vệ tài nguyên đất, hệ sinh thái và sức khỏe con người. Mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, thân thiện với môi trường, kết hợp với du lịch sẽ làm tăng hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Được trải nghiệm các công việc làm ruộng, cấy lúa, gặt lúa, hái chè, thu hoạch cam, lê, bưởi hay trồng rau hay tham quan làng nghề, khám phá văn hóa bản địa,... là những trải nghiệm thú vị mà du lịch nông nghiệp có thể mang lại. Nếu chỉ đơn thuần là nông nghiệp sinh thái hay nông nghiệp hữu cơ thì do lợi ích trước mắt, năng suất thấp, có thể không thuyết phục được người dân, tuy nhiên khi có gắn kết với du lịch, có thêm nguồn thu nhập và đồng thời các mô hình canh tác này an toàn sức khỏe cho chính bản thân người nông dân thì chắc chắn sẽ khác.



Hình 2. Du khách tham quan và trải nghiệm hái chè tại xã Mỹ Bằng, Yên Sơn, Tuyên Quang (ảnh: Quốc Việt, <https://baotuyenquang.com.vn>)



Hình 3. Khách du lịch trải nghiệm làm nông cùng bà con nhân dân tại Hà Giang (ảnh: Linh Phan, <https://nhandan.com.vn>)

+ *Mô hình du lịch sinh thái, Du lịch làng nghề truyền thống, Du lịch văn hóa bản địa*: là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, có cơ hội để phát triển kinh tế và lợi ích cho cộng đồng địa phương. Khai thác du lịch sinh thái sẽ là một trong những thế mạnh mà các tỉnh vùng MNPB có lợi thế, là vùng được thiên nhiên ban tặng cảnh quan hùng vĩ, đặc trưng về địa hình, khí hậu và hệ sinh thái đa dạng, là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số còn gìn giữ được nhiều nét văn hóa đặc sắc. Đặc biệt Chương trình hợp tác phát triển du lịch 8 tỉnh Tây Bắc

(Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Giang, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu) với 4 nội dung chính: Hợp tác xây dựng cơ chế, chính sách quản lý và phát triển du lịch địa phương; hợp tác phát triển sản phẩm du lịch; hợp tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch và hợp tác phát triển nguồn nhân lực du lịch đã mở ra nền tảng hợp tác giữa các tỉnh, tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong và ngoài khu vực đến đầu tư, khai thác hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch chuyên nghiệp và bền vững.

+ *Mô hình “làng mới”* của Hàn Quốc. Mô hình này đã thí điểm tại 9 tỉnh thành ở nước ta từ năm 2002 đến nay, bao gồm: Quảng Trị, Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Hậu Giang, Đồng Tháp, An Giang thông qua các dự án như: “Chương trình hạnh phúc”, “xây dựng NTM gắn với chuỗi giá trị nông nghiệp”,... Kết quả các mô hình này đã tham gia vào giải quyết các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường các làng ở Việt Nam. Cách thức chung của các mô hình này là: *thứ nhất* là giáo dục tinh thần Saemaul; *thứ hai*, là chỉnh trang môi trường sống và điều kiện sinh hoạt; *thứ ba*, là thực hiện các dự án phát triển và nâng cao thu nhập; *thứ tư* là giáo dục lối sống và ý thức cộng đồng; và *cuối cùng* là hình thành nền kinh tế hợp tác. Trong bước thực hiện dự án phát triển và nâng cao thu nhập, cách thức của dự án là hướng dẫn nông dân học cách hợp tác với nhau trong công việc trước rồi sau mới xây dựng hạ tầng, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho đến hỗ trợ bao tiêu (điểm khác ở Việt Nam).

b) Giải pháp nâng cao kết quả thực hiện tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm

- Nếu phong trào “làng mới” của Hàn Quốc có mục tiêu xây dựng nông thôn thành một nơi “tốt đẹp hơn” thì nông thôn mới ở Việt Nam hãy xây dựng nông thôn thành những “miền quê đáng sống”. Phát động nhiều các phong trào bảo vệ môi trường đã có hiệu quả tích cực như: “Vệ sinh môi trường đường làng, ngõ xóm”, phong trào “5 không, 3 sạch”, “Ngày thứ 7 về cơ sở giúp người dân thực hiện tiêu chí môi trường”, “Ngày thứ bảy tình nguyện”, “Ngày chủ nhật xanh” của đoàn thanh niên,... góp phần từng bước cải thiện chất lượng môi trường nông thôn; Gắn tiêu chí bảo vệ môi trường với gia đình văn hóa, đưa tiêu chí môi trường vào quy ước, hương ước của bản (bài học thành công từ huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, [13]).

- Thực hiện hiệu quả Phong trào mô hình “làng mới” của Hàn Quốc; Phong trào Mỗi làng một sản phẩm OVOP của Nhật Bản; Đề án mỗi xã một sản phẩm (Phê duyệt theo Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/6/ 2017). Đề án hướng dẫn đánh giá xếp hạng các sản phẩm dựa trên các tiêu chí như: sản phẩm được sản xuất và sử dụng vật liệu trên địa bàn tỉnh; có gia tăng giá trị; không ảnh hưởng xấu đến môi trường; góp phần phát triển văn hóa, danh thắng, môi trường địa phương; chú trọng ưu tiên các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Như vậy, các tiêu chí về mô hình sản xuất trong đề án cũng đồng thời đảm bảo các tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm.

- Về chỉ tiêu nước hợp vệ sinh, nước sạch: tính đến 2019, tỷ lệ cấp nước hợp vệ sinh vùng nông thôn MNPB trung bình đạt 79,7%, tỷ lệ được dùng nước sạch đáp ứng QCVN 02:2009/BYT mới chỉ là 36,3%, [14], còn rất thấp. Chính vì vậy, bên cạnh sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, các địa phương cần phát huy nội lực, huy động sự chung tay góp sức của cộng đồng, doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ ngành nước. Địa phương cần có chính sách ưu đãi, cơ chế hỗ trợ kịp thời để thực hiện dự án thu hút đầu tư, xã hội hóa đầu tư xây dựng các công trình nước sạch tập trung; Thực hiện tốt công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho các cộng đồng dân tộc về giá trị của nguồn nước, xem nước là một hàng hóa, chuyển từ cơ chế phục vụ sang thị trường. Xem xét phát triển đồng thời nhiều loại hình dịch vụ cấp nước như doanh nghiệp, mô hình Tổ hợp tác, mô hình Hợp tác xã dịch vụ về nước,... để có tính cạnh tranh, miễn sao ở đó tăng cường được năng lực quản lý, cơ chế tài chính minh bạch, đảm bảo giá nước và chất lượng dịch vụ tương xứng,... sẽ là các yếu tố quyết định hiệu quả và tính bền vững của các dự án cấp nước.

- Về thu gom, xử lý rác thải: Đây cũng là một chỉ tiêu khó ngay cả với các tỉnh vùng đồng bằng. Chính vì vậy, bên cạnh sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, các địa phương cần phát huy nội lực, huy động sự chung tay góp sức của cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ hợp tác, hợp tác xã tích cực tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường. Các địa phương cũng cần quy định nghiêm ngặt các tiêu chí về môi trường trong đề án quy hoạch tổng thể, quy hoạch sử dụng đất để dễ dàng triển khai các dự án về môi trường, đồng thời cần có chính sách ưu đãi, chính sách hành chính thuận lợi để thu hút đầu tư, xã hội hóa đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác tập trung quy mô thôn, bản.

4. KẾT LUẬN

- Chương trình MTQG xây dựng NTM đã góp phần quan trọng thay đổi diện mạo khu vực nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, kết quả xây dựng NTM có khoảng cách chênh lệch nhiều giữa các vùng, miền trên cả nước. Vùng có tỷ lệ xã đạt NTM cao như vùng đồng bằng sông Hồng (90,7%), Đông Nam Bộ (79,2%), Tây Nguyên (43,5%), vùng tỷ lệ xã đạt NTM thấp nhất là vùng miền núi phía Bắc (34,3%).
- Cần đảm bảo tính thực chất vai trò làm chủ của người dân trong quá trình thực hiện. Sự hài lòng của người dân là thước đo hiệu quả của Chương trình xây dựng NTM. Xem xét các điểm hạn chế của Bộ tiêu chí giai đoạn 2016-2020, bổ sung tiêu chí đánh giá về yếu tố con người, yếu tố chủ thể của người dân, sự hài lòng của người dân trong Bộ tiêu chí ban hành sắp tới cho giai đoạn 2021-2025.
- Khu vực MNPB cần tập trung vào mắt xích yếu nhất, cần tập trung nguồn lực để nâng cao thu nhập và Môi trường, an toàn thực phẩm. Tổ chức sản xuất tốt, hiệu quả thì sẽ dẫn đến thu nhập cao và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Khi đó, cùng với các Chương trình, dự án hỗ trợ của Chính phủ, sự tham gia vốn đối ứng của địa phương và sự chung sức, đóng góp của cộng đồng thì lần lượt các tiêu chí khác cũng sẽ được thực hiện.
- Tập trung vào các lợi thế về cảnh quan hùng vĩ, đặc trưng về địa hình, khí hậu, hệ sinh thái đa dạng, đa sắc tộc với nhiều nét văn hóa đặc sắc để phát triển đa dạng sinh kế, các hình thức tổ chức sản xuất mới hiệu quả, như Mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ kết hợp du lịch, Mô hình du lịch sinh thái, Du lịch làng nghề truyền thống, Du lịch văn hóa bản địa,..., Phong trào Mỗi xã một sản phẩm, Phong trào “Làng mới” để nâng cao thu nhập và cải tạo môi trường cảnh quan, biến các vùng nông thôn thành những miền quê đáng sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội nghị Toàn quốc tổng kết 10 năm Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020. TP. Nam Định, tháng 10/2019.
- [2] Quang Huy. (12/5/2020) Tạp chí Dân Vận. [Online]. <http://danvan.vn/10-nam-thuc-hien-Chuong-trinh-muc-tieu-quo-gia-xay-dung-nong-thon-moi-giai-doan-2010-2020-ket-qua-va-bai-hoc-kinh-nghiem>
- [3] Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của các Tỉnh.
- [4] Viện Tài nguyên và Môi trường (2015), Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học & công nghệ phù hợp nhằm kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường phục vụ xây dựng nông thôn mới vùng Đồng bằng sông Hồng.
- [5] Tạ Đình Xuyên và cộng sự, Bất cập chính sách trong thực hiện một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới: Trung tâm thông tin và dự báo KT-XH quốc gia-Bộ kế hoạch và Đầu tư, Số 85, tháng 9/2017.
- [6] Bạch Quốc Khang, Cách tiếp cận xây dựng nông thôn mới- chìa khóa thành công trong 10 năm qua: Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam, số 1+2 năm 2020.
- [7] Hồ Chí Diên (2020), Đẩy mạnh xây dựng NTM ở tỉnh Thái Nguyên, Luận án tiến sĩ.
- [8] Hoàng Vũ Quang (2014), Đề tài nghiên cứu khoa học, Nghiên cứu đóng góp của hộ nông thôn vào các hoạt động kinh tế xã hội địa phương.
- [9] Nguyễn Mậu Thái (2015), Nghiên cứu xây dựng nông thôn mới các huyện phía tây thành phố Hà Nội.: Luận án tiến sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- [10] Châu Thị Minh Long (2017). Một số nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng xã nông thôn mới bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tỉnh DakLak. [Online].
- [11] Trung tâm Tư liệu và Dịch vụ Thống kê, Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.
- [12] Nguyễn Hồng Trường, "Quy hoạch sử dụng đất vùng Đồng bằng sông Cửu Long với các tiêu chí bền vững có sự tham gia của cộng đồng," Tạp Chí Tài nguyên nước, ISSN 1859-

3771, số 3 (tháng 8/2020).

[13] Mai Sơn, Sơn La: 7 xã đạt chuẩn tiêu chí môi trường. [Online]: Báo TN&MT

[14] Phạm Văn Ban và cộng sự, Đề tài KHCN cấp Nhà nước: "Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công nghệ và quản lý trong thu trữ nước mưa và nước mặt phục vụ dân sinh vùng Tây Bắc. Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2019.